

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9- 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đình Tâm

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Bá H Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, Thanh Hoá.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị M Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt anh H và chị M. Anh H và chị M đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Bá H trình bày: Anh và chị Hoàng Thị M kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/5/2013 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống thường xuyên cãi nhau. Anh H và chị

M đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Đến nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn chị Hoàng Thị M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Kim N, sinh ngày 11/8/2016. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Kim N và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Hoàng Thị M đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và trình bày:

Về hôn nhân: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Đến nay chị xác định tình cảm vợ, chồng không còn, nên chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Kim N, sinh ngày 11/8/2016. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Bá H được ly hôn chị Hoàng Thị M.
- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Kim N, sinh ngày 11/8/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.
- Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án, nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của

việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự nhưng chị M không có mặt. Do đó, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị M và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị M theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ chị M đến phiên hòa giải nhưng chị M không có mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Anh H và chị M đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị M.

[4] Về hôn nhân: Anh Lê Bá H và chị Hoàng Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh H và chị M đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và đều xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ, chồng được ly hôn. Điều đó chứng tỏ anh H và chị M đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Bá H được ly hôn chị Hoàng Thị M.

[5] Về con chung: Anh H và chị M có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Kim N, sinh ngày 11/8/2016. Anh H và chị M đều thống nhất, sau khi ly hôn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H. Xét nguyện vọng của hai bên là chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Do đó chấp nhận yêu cầu của anh H và chị M, giao cháu Lê Hoàng Kim N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

[6] Về tài sản: Anh H và chị M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Bá H được ly hôn chị Hoàng Thị M.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Kim N, sinh ngày 11/8/2016 cho anh Lê Bá H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Bá H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002852 ngày 12/8/2020. Anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh H, chị M. Anh H và chị M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc